

Số: 78/TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 6 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

### **I. Tình hình triển khai lập danh mục công trình, dự án năm 2019**

#### **1. Sự cần thiết**

Theo quy định tại điểm c, Khoản 10 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định “*Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai thì trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp danh mục dự án, công trình cần thu hồi đất bổ sung để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua*”.

Như vậy, việc HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là cần thiết.

#### **2. Căn cứ pháp lý triển khai thực hiện**

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

#### **3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

- a) Phạm vi điều chỉnh.

Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 và Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai.

b) Đối tượng áp dụng.

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

4. Nguyên tắc xác định danh mục công trình, dự án

- Xác định các danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất (*quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai*): Được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo hướng dẫn tại điểm b khoản 6 Điều 67 Thông tư số 29/2014/TT-BNTMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời xác định danh mục, công trình, dự án theo nguyên tắc chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 518/HĐND-KTNS ngày 03/12/2014.

- Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ: Đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai.

**II. Kết quả thực hiện lập bổ sung các danh mục công trình, dự án năm 2019**

1. Công trình, dự án phải thu hồi đất (*khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai*)

Tổng số: 136 công trình, dự án, diện tích 1.249,7323 ha; chi tiết cụ thể theo biểu số liệu sau:

Stt	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	24	60,62	46.700	
2	Huyện Bình Sơn	61	872,54	914.636	
3	Huyện Sơn Tịnh	2	2,74	3.400	
4	Huyện Tư Nghĩa	4	24,74	74.163	

5	Huyện Mộ Đức	1	0,17	1.100	
6	Huyện Đức Phổ	9	47,99	47.400	
7	Huyện Nghĩa Hành	2	0,2023	250	
8	Huyện Huyện Ba Tơ	5	151,71	11.733	
9	Huyện Minh Long	0	0	0	
10	Huyện Sơn Hà	15	32,34	22.120	
11	Huyện Sơn Tây	4	46,25	20.750	
12	Huyện Tây Trà	0	0	0	
13	Huyện Trà Bồng	5	2,43	850	
14	Huyện Lý Sơn	4	8	7800	
	<b>Tổng</b>	<b>136</b>	<b>1.249,7323</b>	<b>1.150.902</b>	

(chi tiết có Biểu 1 kèm theo)

2. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ (điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)

Tổng số: 51 công trình, dự án, diện tích 692,9203 ha (trong đó: đất lúa 78,5062 ha; đất rừng phòng hộ 0,21ha); chi tiết cụ thể theo biểu số liệu sau:

STT	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	
1	Thành phố Quảng Ngãi	5	27,03	4,33		
2	Huyện Bình Sơn	23	483,44	40,48		
3	Huyện Sơn Tịnh	1	0,56	0,50		
4	Huyện Tư Nghĩa	5	27,34	16,00		

5	Huyện Mộ Đức	2	2,19	1,31		
6	Huyện Đức Phổ	5	5,05	1,71		
7	Huyện Nghĩa Hành	0	0	0		
8	Huyện Ba Tơ	4	142,82	9,97	0,21	
9	Huyện Minh Long	0	0	0		
10	Huyện Sơn Hà	4	3,46	3,27		
11	Huyện Sơn Tây	1	0,90	0,90		
12	Huyện Tây Trà	0	0	0		
13	Huyện Trà Bồng	1	0,1303	0,0362		
14	Huyện Lý Sơn	0	0	0		
	<b>Tổng</b>	<b>51</b>	<b>692,9203</b>	<b>78,5062</b>	<b>0,21</b>	

(chi tiết có Biểu 2 kèm theo)

3. Dự kiến các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổng kinh phí dự kiến cụ thể được các khoản kinh phí chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 1.150.902 triệu đồng.

4. Một số trường hợp xin ý kiến UBND tỉnh

a) Đối với công trình, dự án có trong kế hoạch sử dụng đất 3 năm liên tiếp mà chưa hoàn thành công tác thu hồi đất hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất.

Theo quy định tại Điều 49 Luật Đất đai mà các công trình, dự án đã có trong kế hoạch sử dụng đất 03 năm liên tiếp (2016, 2017, 2018) mà chưa hoàn thành công tác thu hồi đất hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất thì UBND tỉnh phải điều chỉnh, hủy bỏ và công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất.

Qua kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND cấp huyện đối với các công trình dự án có trong kế hoạch sử dụng đất 03 năm liên tiếp nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành: Đối với dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất chủ yếu các công trình có diện tích quy mô lớn (khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thậm chí Dự

án phải tổ chức cưỡng chế,...), dẫn đến chậm trễ trong công tác bồi thường. Riêng đối với dự án Khu đô thị mới Nam Lê Lợi, dự án thực hiện theo tiến độ đầu tư, thời gian thực hiện 04 năm, từ năm 2016-2019, do đó để đảm bảo công trình tiếp tục thực hiện trong năm 2019, đề nghị cho các công trình được tiếp tục thực hiện trong năm 2019. Thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh có 02 công trình, dự án thu hồi đất năm 2016 thuộc thành phố Quảng Ngãi (*Chi tiết có danh mục kèm theo*).

Để tháo gỡ các công trình, dự án nêu trên hoàn thành công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ cho việc phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh xin ý kiến HĐND tỉnh thống nhất các công trình, dự án này được tiếp tục thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và các danh mục công trình, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, UBND tỉnh thực hiện:

(1) Bổ sung các công trình, dự án trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện.

(2) Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường để lập các thủ tục hoán đổi đất lúa, đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án đối với phần diện tích nằm trong Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 và Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh.

(3) Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố có phát sinh công trình, dự án thu hồi đất và công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2019 thì tổng hợp trình UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định*) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

(4) Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố phối hợp với các chủ đầu tư dự án tiếp tục triển khai thực hiện các công trình, dự án của năm 2017, 2018, 2019 theo quy định Khoản 9 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV211).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



The seal of the Provincial People's Committee of Quang Ngai is circular, featuring a five-pointed star in the center, surrounded by the text 'ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI' and a decorative border.

Trần Ngọc Căng

**Biểu 1**

**BẢNG TỔNG HỢP  
DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA CÁC  
HUYỆN, THÀNH PHỐ**

Số: 78/TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

Stt	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	24	60.62	46,700	Biểu số 1.1
2	Huyện Bình Sơn	61	872.54	914,636	Biểu số 1.2
3	Huyện Sơn Tịnh	2	2.74	3,400	Biểu số 1.3
4	Huyện Tư Nghĩa	4	24.74	74,163	Biểu số 1.4
5	Huyện Mộ Đức	1	0.17	1,100	Biểu số 1.5
6	Huyện Đức Phổ	9	47.99	47,400	Biểu số 1.6
7	Huyện Nghĩa Hành	2	0.2023	250	Biểu số 1.7
8	Huyện Huyện Ba Tơ	5	151.71	11,733	Biểu số 1.8
9	Huyện Minh Long	0	0	0	Biểu số 1.9
10	Huyện Sơn Hà	15	32.34	22,120	Biểu số 1.10
11	Huyện Sơn Tây	4	46.25	20,750	Biểu số 1.11
12	Huyện Tây Trà	0	0	0	Biểu số 1.12
13	Huyện Trà Bồng	5	2.43	850	Biểu số 1.13
14	Huyện Lý Sơn	4	8	7800	Biểu số 1.14
	<b>Tổng</b>	<b>136</b>	<b>1,249.7323</b>	<b>1,150,902</b>	

Biểu 2

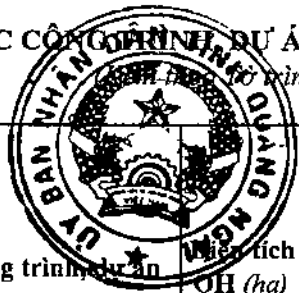


**BẢNG TỔNG HỢP**  
**CÔNG TRÌNH DỰ ÁN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG**  
**HỒ NĂM 2019 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
*(Kèm theo Quyết định số 78/TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)*

STT	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	
1	Thành phố Quảng Ngãi	5	27.03	4.33		Biểu số 2.1
2	Huyện Bình Sơn	23	483.44	40.48		Biểu số 2.2
3	Huyện Sơn Tịnh	1	0.56	0.50		Biểu số 2.3
4	Huyện Tư Nghĩa	5	27.34	16.00		Biểu số 2.4
5	Huyện Mộ Đức	2	2.19	1.31		Biểu số 2.5
6	Huyện Đức Phổ	5	5.05	1.71		Biểu số 2.6
7	Huyện Nghĩa Hành	0	0	0		Biểu số 2.7
8	Huyện Ba Tơ	4	142.82	9.97	0.21	Biểu số 2.8
9	Huyện Minh Long	0	0	0		Biểu số 2.9
10	Huyện Sơn Hà	4	3.46	3.27		Biểu số 2.10
11	Huyện Sơn Tây	1	0.90	0.90		Biểu số 2.11
12	Huyện Tây Trà	0	0	0		Biểu số 2.12
13	Huyện Trà Bồng	1	0.1303	0.0362		Biểu số 2.13
14	Huyện Lý Sơn	0	0	0		
	<b>Tổng</b>	<b>51</b>	<b>692.9203</b>	<b>78.5062</b>	<b>0.21</b>	

Biểu 3

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019



(Số quyết định số: 78/TTg-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ bản đồ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>CÔNG TRÌNH NĂM 2016</b>	<b>7.14</b>			
1	Khu đô thị mới Nam Lê Lợi	2.62	Phường Chánh Lộ; Phường Nghĩa Lộ	Tờ số 1, 2 Phường Chánh Lộ; Tờ số 1,3 Phường Nghĩa Lộ	QĐ chấp thuận đầu tư số 16/QĐ-UBND ngày 12/01/016 của UBND tỉnh
2	Khu dân cư trực đường Mỹ Trà - Mỹ Khê (giai đoạn 1)	4.52	Xã Tịnh An và phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 7 xã Tịnh An và tờ bản đồ địa chính số 17, 27, 28, phường Trương Quang Trọng	Công văn số 5052/UBND-CN XD ngày 30/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư trực đường Mỹ Trà - Mỹ Khê (giai đoạn 1)



Biểu 04

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SẠNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019**



(Mục theo Công trình số: 78/TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	<b>CÔNG TRÌNH NĂM 2016</b>	<b>2.62</b>	<b>0.10</b>			
1	Khu đô thị mới Nam Lê Lợi	2.62	0.1		Phường Chánh Lộ; Phường Nghĩa Lộ	Tờ số 1, 2 Phường Chánh Lộ; Tờ số 1,3 Phường Nghĩa Lộ

Biểu 1.1

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**



Kèm theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VẤN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Trường Mầm non Quốc tế SNAM	0,57	Phường Nghĩa Lộ	Tờ số 4	QĐ chủ trương đầu tư số 318/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh							
2	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc (bổ sung)	23,4	Xã Nghĩa Dũng, xã Tịnh An	Tờ số 06 xã Nghĩa Dũng; Tờ số 10, 14 xã Tịnh An	QĐ số 1994/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư							
3	Câu lạc bộ Văn hóa, Thể thao Hưng Vũ	0,415	Phường Lê Hồng Phong	Tờ số 1, 13, 47	QĐ số 111/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư	1.000						1.000
4	Đường Nguyễn Bá Loan - nối dài (đoạn từ đường Trương Quang Trọng đến đường Nguyễn Cư Trinh)	0,27	Phường Lê Hồng Phong		Quyết định số 10583/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố	1.500			1.500			

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
5	Đường Mạc Đĩnh Chi (đoạn từ đường Hai Bà Trung đến đường Nguyễn Cư Trinh)	0,38	Phường Lê Hồng Phong		Quyết định số 10583/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố	380			380		
6	Xây dựng Cầu Bàu Sắt trên tuyến đường Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng	0,09	Phường Trương Quang Trọng		Quyết định số 6730a/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Cầu Bàu Sắt trên tuyến đường Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng	100			100		
7	Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nà	3,01	Xã Tịnh An Đông		Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vào Nhà máy xử lý rác Đồng Nà	3.000			3.000		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
8	Xây dựng Cầu Bàu Đình thuộc tuyến đường ĐH 534, xã Tịnh Ấn Đông	0,01	Xã Tịnh Ấn Đông		Quyết định số 10583/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố	50			50		
9	Cầu Hưng Nhơn	1,05	Xã Nghĩa Hà		Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cầu Hưng Nhơn (nối thôn Hàm Long và thôn An Hội), xã Nghĩa Hà	1.000			1.000		
10	Đường Triệu Quang Phục (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Phan Đình Phùng)	0,32	P Chánh Lộ		Quyết định số 10583/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố	320			320		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VẤN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
11	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ KDC Yên Phú đến đường Nguyễn Công Phương)	0,88	P Nghĩa Lộ		Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018; trong đó có dự án đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ KDC Yên Phú đến đường Nguyễn Công Phương)	800			800		
12	Công viên tỉnh Quảng Ngãi - Hạng mục đường trục phía Nam công viên	2,75	Xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 22 và 46 xã Tịnh Khê	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Công viên tỉnh Quảng Ngãi - Hạng mục Đường trục phía Nam công viên	2.000			2.000		
13	Khu dân cư lổm kết hợp chính trang đô thị phía Nam thành phố giáo dục quốc tế	3,83	P Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 9 phường Nghĩa Lộ	Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư lổm kết hợp chính trang đô thị phía Nam thành phố giáo dục quốc tế	3.000			3.000		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
14	Khu dân cư Tây Ân, thành phố Quảng Ngãi	9,8	Xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 11, 20 và 21 xã Tịnh Ấn Tây	Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Tây Ân, thành phố Quảng Ngãi	9.000			9.000		
15	Xây dựng Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi	0,77	P Trần Phú	Tờ bản đồ số 13, 14 và 19, phường Trần Phú	Quyết định số 2360/QĐ-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng của Kho bạc Nhà nước giai đoạn 2016-2020	700			700		
16	Phân diện tích đất thừa và đất lờm sau khi thực hiện hoàn thành dự án Khu di dời dân vùng sạt lở ven sông xã Tịnh Long	0,30	Xã Tịnh Long	Tờ bản đồ số 17 và 22 xã Tịnh Long	Công văn số 1629/UBND ngày 28/3/2018 của UBND thành phố về việc xử lý đất thừa của dự án và giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các hộ dân liên kế	300			300		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
17	Bồi thường GPMB thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền Nhân Hậu	0,7	Xã Tịnh Hòa	Tờ bản đồ số 15 xã Tịnh Hòa	Công văn số 835/BQL-QLĐĐ ngày 21/5/2019 của Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm để nhà đầu tư nghiên cứu đầu tư dự án	700			700		
18	Dự án Khu Đô thị An Phú Sinh, thành phố Quảng Ngãi	10,5	Phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 9, 13, 14, 28, 34 phường Nghĩa Chánh	Công văn số 2169/UBND ngày 13/12/2012 của UBND thành phố về việc điều chỉnh ranh giới thu hồi đất để thực hiện dự án Khu Đô thị An Phú Sinh, thành phố Quảng Ngãi	10.000			10.000		
19	Khu dân cư lổm tổ 9, phường Nghĩa Chánh	0,1	Phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 46 phường Nghĩa Chánh	Quyết định số 7488/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng Khu dân cư lổm tổ 9, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi	1.000			1.000		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
20	Văn phòng làm việc Ban Đại diện Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh Quảng Ngãi	0,15	Xã Nghĩa Dũng	Tờ bản đồ địa chính số 6, xã Nghĩa Dũng	Công văn số 7195/UBND-NC ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết việc Ban Đại diện Tin lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh đề nghị giao đất để xây dựng Văn phòng làm việc	150					150
21	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện tâm thần tỉnh Quảng Ngãi	0,2	Phường Nghĩa Lộ	Tờ số 3	QĐ số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018	500		500			
22	Bể bơi, sân bóng đá mini, phòng tập TDTT Gym (dự án xã hội hóa)	0,26	Phường Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ địa chính số 25, phường Nghĩa Lộ	Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Bể bơi, sân bóng đá mini, phòng tập TDTT Gym	2.600					2.600



STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
23	Khu văn hóa đa năng trường Mầm non Hoa Cương (dự án xã hội hóa)	0,36	P Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số 38, phường Lê Hồng Phong	Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu văn hóa đa năng trường Mầm non	3.600					3.600
24	Trung tâm Thể dục thể thao Hoàng Quân (dự án xã hội hóa)	0,5	Xã Nghĩa Đông	Tờ bản đồ địa chính số 16 và 17, xã Nghĩa Đông	Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án: Trung tâm Thể dục thể thao Hoàng Quân tại xã Nghĩa Đông, thành phố Quảng Ngãi	5.000					5.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>60,62</b>				<b>46.700</b>	<b>-</b>	<b>500</b>	<b>33.850</b>	<b>----</b>	<b>12.350</b>

Biểu 2.1

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG  
MỤC ĐÍCH NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**



theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Công viên tỉnh Quảng Ngãi - Hạng mục đường trục phía Nam công viên	2,75	0,46		Xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 22 và 46 xã Tịnh Khê
2	Khu dân cư lôm kết hợp chỉnh trang đô thị phía Nam thành phố giáo dục quốc tế	3,83	2,01		P Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 9 phường Nghĩa Lộ
3	Khu dân cư Tây Ấn, thành phố Quảng Ngãi	9,8	1,26		Xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 11, 20 và 21 xã Tịnh Ấn Tây
4	Dự án Khu Đô thị An Phú Sinh, thành phố Quảng Ngãi	10,5	0,47		Phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 9, 13, 14, 28, 34 phường Nghĩa Chánh

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	Văn phòng làm việc Ban Đại diện Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh Quảng Ngãi	0,15	0,13		Xã Nghĩa Đông	Tờ bản đồ địa chính số 6, xã Nghĩa Đông
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27,03</b>	<b>4,33</b>			

Biểu 1.2



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN BÌNH SƠN**  
 theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28 /6/2019 của UBND tỉnh

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Dự án Truyền thống và Thư viện huyện Bình Sơn	0,52	Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ số 24	QĐ số 1101/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND huyện Bình Sơn về việc phân khai kinh phí để xây dựng nhà truyền thống và Thư viện huyện Bình Sơn	700			700			
2	Khu dân cư Rộc Đình	1,07	Xã Bình Long	Tờ bản đồ số 2	QĐ số 2470/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện Bình Sơn về việc Chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Rộc Đình	1.500			1.500			
3	Dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	0,668	Xã Bình Hải		QĐ số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về giao vốn đầu tư công năm 2019	1.350		1.350				
4	Khu dân cư thị trấn Châu Ô	9,18	Xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô	Tờ số 18, xã Bình Trung; Tờ số 1, 2,4,5,9,10,42,43 thị trấn Châu Ô	QĐ chủ trương đầu tư số 783/QĐ-UBND của UBND tỉnh	10.000						10.000

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
5	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bến cảng tổng hợp - container Hòa Phát Dung Quất	45,75	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 91, 92, 93 xã Bình Thuận.	Quyết định chủ trương đầu tư số 150/QĐ-BQL ngày 16/5/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi chấp thuận nhà đầu tư: Công ty Cổ phần cảng tổng hợp Hòa Phát.	45.000,00					45.000,00
6	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Hòa Phát Dung Quất.	62,11	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 18, 19, 25, 26, 32, 92, 93, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104 xã Bình Thuận.	Công văn số 1717/BQL-QLĐ1 ngày 30/01/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm để Công ty CP cảng tổng hợp Hòa Phát nghiên cứu đề xuất dự án đầu tư	62.000,00					62.000,00
7	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: dự án: Khách sạn Hòa Phát Dung Quất	0,7887	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số 42, 43, 49, 50	Quyết định chủ trương đầu tư số 177/QĐ-BQL ngày 05/6/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi. Chấp thuận nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	1,00					1,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
8	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà máy chế biến gỗ Bảo Nguyên Dung Quất	0,9	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 21, 32, 33	Quyết định số 38/QĐ-BQL ngày 28/01/2019 về chủ trương đầu tư Nhà máy chế biến gỗ Bảo Nguyên	1,00					1,00
9	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án: Nhà máy sản xuất bê tông và cơ khí Vạn An Thịnh Phát Dung Quất	3,1	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 13, 14	Quyết định số 185/QĐ-BQL ngày 13/6/2019 về chủ trương đầu tư Nhà máy sản xuất bê tông và cơ khí Vạn An Thịnh Phát	4,00					4,00
10	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án: Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Huy 2	0,9	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 59, 60, 67, 68	Quyết định số 146/QĐ-BQL ngày 10/5/2019 về chủ trương đầu tư Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Huy 2	1,00					1,00
11	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà máy chế biến lâm sản phát lộc	14,00	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 8, 12	Quyết định số 138/QĐ-BQL ngày 04/5/2019 về chủ trương đầu tư Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Huy 3	15,00					15,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
12	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án mở rộng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất và các dự án vệ tinh - Phần diện tích thỏa thuận tạm để trồng cây xanh cảnh quan và đấu nối giao thông	2,96	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 24, 30, 37, 38	Công văn số 1741/BQL-QHXD ngày 01/10/2018 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thỏa thuận tạm phần diện tích phía trước dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất để trồng cây xanh cảnh quan và đấu nối giao thông.	3,00					3,00
13	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án mở rộng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất và các dự án vệ tinh - Phần diện tích thỏa thuận tạm để trồng cây xanh cảnh quan và đấu nối giao thông	1,6	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 44, 50, 51, 57, 58, 64, 65	Công văn số 1741/BQL-QHXD ngày 01/10/2018 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thỏa thuận tạm phần diện tích phía trước dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất để trồng cây xanh cảnh quan và đấu nối giao thông.	2,00					2,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
14	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà máy chế tạo thiết bị phụ trợ và bãi đỗ phương tiện vận tải cho Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất - Phần diện tích thỏa thuận tạm để trồng cây xanh cảnh quan	0,14	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số 92, 95	Công văn số 109/BQL-QHXD ngày 19/01/2018 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thỏa thuận tạm phần diện tích phía Tây Nhà máy chế tạo thiết bị phụ trợ và bãi đỗ phương tiện vận tải để trồng cây xanh cảnh quan.	2,00					2,00
15	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu nhà ở công nhân Hòa Phát - Phần diện tích thỏa thuận để cải tạo, trồng cây xanh cảnh quan hồ Tân Hòa	4,99	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số 43, 44, 45, 36	Công văn số 488/BQL-QHXD ngày 28/3/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thông tin quy hoạch đối với phần diện tích đề xuất cải tạo và nâng cấp Hồ Tân Hòa.	5,00					5,00



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
16	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu nhà ở công nhân Hòa Phát - Phần diện tích thỏa thuận tạm phía Bắc hồ Tân Hòa để trồng cây xanh cảnh quan	0,66	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số 43, 44, 45, 36	Công văn số 1850/BQL-QHXD ngày 18/10/2018 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thỏa thuận tạm phần diện tích Bắc hồ Tân Hòa	1,00					1,00
17	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: dự án: Khu thương mại dịch vụ Đồng Hưng	0,32	Xã Bình Hòa	Tờ bản đồ số 1, 7	Quyết định chủ trương đầu tư số 186/QĐ-BQL ngày 13/6/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi. Chấp thuận nhà đầu tư: Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và dịch vụ Đồng Hưng	1,00					1,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
18	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: dự án: Khu dân cư Đập Ban	10,3	xã BìnhNgu yên	Tờ bản đồ số 21	Công văn số 1020/BQL-QLĐT ngày 18/6/2018	20,00					20,00
19	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng kho bãi và nhà xưởng công nghiệp để cho thuê giai đoạn 2	4,7	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 20, 21	Công văn số 284/BQL-QLĐT ngày 28/2/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án mở rộng kho bãi và nhà xưởng công nghiệp để cho thuê giai đoạn 2	5,00					5,00
20	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu thương mại dịch vụ Trì Bình	1,5	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 20, 22	Công văn số 294/BQL-QLĐT ngày 01/3/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu thương mại dịch vụ Trì Bình	2,00					2,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
21	Bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất; Dự án Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Bình Chánh	6,00	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 7, 8, 10, 11	Công văn số 589/BQL-QLĐT ngày 12/4/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Bình Chánh	20,00					20,00
22	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất; Dự án Khu dịch vụ Huy Vũ	0,75	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 24, 25	Công văn số 671/BQL-QLĐT ngày 25/4/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ Huy Vũ	1,00					1,00
23	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất; Dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê	12,6	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 36, 37, 48, 49	Công văn số 685/BQL-QLĐT ngày 26/4/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê	30,00					30,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
24	Bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất; Dự án Khu dịch vụ An Thịnh Dung Quất	3,00	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 62	Công văn số 484/BQL-QLĐT ngày 27/3/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ An Thịnh Dung Quất	3,00					3,00
25	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất; Dự án Khu đô thị Dragon Dung Quất	9,27	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 19, 20, 30, 31	Công văn số 739/BQL-QLĐT ngày 07/5/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu đô thị Dragon Dung Quất	10,00					10,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
26	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ thương mại Kiến Cát	0,45	Xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số 52, 53	Công văn số 797/BQL-QLĐT ngày 15/5/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại Kiến Cát	1,00					1,00
27	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ thương mại Ngọc Phát	0,57	Xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số 52, 53	Công văn số 798/BQL-QLĐT ngày 15/5/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại Ngọc Phát	1,00					1,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
28	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị và dịch vụ Dốc Sỏi	45,8	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 11, 21, 22, 23, 33, 34	Công văn số 919/BQL-QLĐT ngày 06/4/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu đô thị và dịch vụ Dốc Sỏi	50,00					50,00
29	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Bình Chánh	2,00	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 6	Công văn số 595/BQL-QLĐT ngày 06/6/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ tổng hợp Bình Chánh	2,00					2,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
30	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị du lịch sinh thái Khe Hai -Chu Lai.	9,70	Xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số: 10; 16; 17 xã Bình Thạnh	Công văn số 6505/UBND- CNXD ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát lập quy hoạch và đầu tư dự án: Khu đô thị du lịch sinh thái Khe Hai Chu Lai, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn.	14.000,00					14.000,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
31	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: dự án Khu dân cư và dịch vụ Cà Ninh -Dung Quất (Khu 1)	60,00	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số: 41;48;49;55;56; 61, 62 và 63	Công văn số 2941/UBND- CNXD ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, khảo sát, lập đề xuất dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Khu tái định cư dân cư và Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường – Tây sông Trà Bồng và Đông sông Trà Bồng, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 293/BQL-QLĐT ngày 01/3/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm nghiên cứu khảo sát, lập quy hoạch đề xuất đầu tư dự án Khu dân cư và dịch vụ Cà Ninh - Dung Quất;	60.000,00					60.000,00



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
32	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dân cư và dịch vụ Cà Ninh -Dung Quất (Khu 2)	59,00	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số: 63; 64; 67; 68; 69; 70; 72; 73; 74; 108; 109; 110; 111; 112; 113; 114 và 115 xã Bình Đông.	Công văn số 2941/UBND-CNXD ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, khảo sát, lập đề xuất dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Khu tái định cư dân cư và Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường – Tây sông Trà Bồng và Đông sông Trà Bồng, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 293/BQL-QLĐT ngày 01/3/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm nghiên cứu khảo sát, lập quy hoạch đề xuất đầu tư dự án Khu dân cư và dịch vụ Cà Ninh - Dung Quất.	59.000,00					59.000,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
33	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ kết hợp Khu dân cư và nhà ở xã hội Bình Đông	1,10	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số: 41;42 xã Bình Đông	Công văn số 5298/UBND-CNXD ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch và đầu tư Dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh, Khu dân cư Bình Trị, Khu dịch vụ kết hợp Khu dân cư và nhà ở xã hội xã Bình Đông và Khu dịch vụ xã Bình Đông;	2.986,00					2.986,00
34	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh.	28,00	Xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số: 50, 51, 52, 60, 61 xã Bình Thạnh	Công văn số 5298/UBND-CNXD ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch và đầu tư Dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh, Khu dân cư Bình Trị, Khu dịch vụ kết hợp Khu dân cư và nhà ở xã hội xã Bình Đông và Khu dịch vụ xã Bình Đông;	28.000,00					28.000,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
35	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ xã Bình Đông.	0,60	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số: 21, 27, 96 xã Bình Đông.	Công văn số 5298/UBND-CNXD ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch và đầu tư Dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh, Khu dân cư Bình Trị, Khu dịch vụ kết hợp Khu dân cư và nhà ở xã hội xã Bình Đông và Khu dịch vụ xã Bình Đông;	2.000,00						2.000,00
36	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dân cư kết hợp dịch vụ xã Bình Thạnh.	1,00	Xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số: 42; 54 xã Bình Thạnh	Công văn số 169/BQL-QLĐT ngày 30/01/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi, về việc giới thiệu địa điểm để nghiên cứu, khảo sát lập dự án đầu tư: Khu dân cư kết hợp dịch vụ xã Bình Thạnh	4.888,00						4.888,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
37	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt dự án Công viên cây xanh (CX1) tại Khu đô thị mới Vạn Tường, Khu kinh tế Dung Quất.	16,47	Xã Bình Hải, xã Bình Hòa	Tờ bản đồ số: 59, 60, 63, 64 xã Bình Hải; Tờ bản đồ: 47, 48 xã Bình Hòa.	QĐ số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.	16.000		16.000			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
38	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt dự án Công viên cây xanh(CX2) tại Khu đô thị mới Vạn Tường, KKT Dung Quất.	12,35	Xã Bình Hải	Tờ bản đồ số: 61, 64 xã Bình Hải.	QĐ số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.	26.853,00		#####				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
39	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt dự án Công viên cây xanh (CX3) tại Khu đô thị mới Vạn Tường, KKT Dung Quất.	18,81	Xã Bình Hải	Tờ bản đồ số: 61, 62, 64, 65, 99 xã Bình Hải.	QĐ số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.	40.778,00		#####			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
40	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng bãi biển dùng chung (Khu 01) thuộc Khu đô thị Vạn Tường, KKT Dung Quất.	25,06	Xã Bình Hải	Tờ bản đồ số: 48, 53, 54, 58, 62, 95, 97, 99 xã Bình Hải.	QĐ số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.	25.000		25.000			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
41	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng bãi biển đùng chung (Khu 02) thuộc Khu đô thị Vạn Tường, KKT Dung Quất.	43,90	Xã Bình Hải, xã Bình Phú	Tờ bản đồ số: 65, 68 xã Bình Hải; Tờ bản đồ số: 1, 2, 4, 5, 9, 13, 14 xã Bình Phú	QĐ số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.	43.000		43.000			



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
42	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường 01	92,00	Xã Bình Hải;	Tờ bản đồ số: 11;12;13; 14;15;16; 20; 21; 22; 29; 30 và 85 xã Bình Hải.	Văn bản số 809-KL/TU ngày 14/11/2018 Kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy về dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường; Thông báo số 298/TB-UBND ngày 19/10/2018 Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 17/10/2018; Công văn số 7085/UBND-CNXD ngày 21/11/2018 về việc khẩn trương triển khai Kết luận số 809KL/TU ngày 14/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.	209.000					209.000

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
43	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường 02	60,00	Xã Bình Hải.	Tờ bản đồ số: 5; 6; 7; 8; 9; 11; 12; 14; 15; 81; 83 và 84 xã Bình Hải.	Văn bản số 809-KL/TU ngày 14/11/2018 Kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy về dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường; Thông báo số 298/TB-UBND ngày 19/10/2018 Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 17/10/2018; Công văn số 7085/UBND-CNXD ngày 21/11/2018 về việc khẩn trương triển khai Kết luận số 809KL/TU ngày 14/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.	60.000,00					60.000,0

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
44	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Tổ hợp Khu tái định cư dân cư và Khu đô thị dịch vụ Tây sông Trà Bồng.	66,38	Xã Bình Chánh, xã Bình Thạnh.	Tờ bản đồ số: 28, 29, 39, 48, 49, 50, 57, 58, 59, 60, 68, 73, 74, 82, 83, 89, 95, 96 và 101 xã Bình Chánh. Tờ bản đồ số 75, 76 xã Bình Thạnh.	Công văn số 2941/UBND-CNXD ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, khảo sát, lập đề xuất dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Khu tái định cư dân cư và Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường – Tây sông Trà Bồng và Đông sông Trà Bồng, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 981/BQL-QLĐT ngày 13/6/2018 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm để nghiên cứu, khảo sát lập dự án đầu tư.	66.000,00					66.000,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8) + (9) + (10) + (11) + (12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
45	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bến cảng số 02 (GD 1) - Cảng tổng hợp Dung Quất.	8,20	Xã Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 6, 83, 84, 85 xã Bình Thuận.	Công văn số 1060/BQL-QHXD ngày 14/10/2011 về việc thỏa thuận tạm vị trí, ranh giới, quy mô xây dựng giai đoạn 1 Bến cảng số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất; GCN đầu tư số 65201000109 ngày 25/4/2012 (CNĐT điều chỉnh lần 1 ngày 05/12/2014).	10.000,00					10.000,00
46	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà văn hóa thôn Tuyết Diêm 1, xã Bình Thuận.	0,04	Xã Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 85 xã Bình Thuận.	Công văn số 59/BQL-QHXD ngày 12/01/2018 về việc vị trí xây dựng Nhà văn hóa thôn Tuyết Diêm 1 và Tuyết Diêm 2, xã Bình Thuận.	100,00					100,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
47	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà văn hóa thôn Tuyệt Diêm 2, xã Bình Thuận.	0,04	Xã Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 96 xã Bình Thuận.	Công văn số 59/BQL-QHXD ngày 12/01/2018 về việc vị trí xây dựng Nhà văn hóa thôn Tuyệt Diêm 1 và Tuyệt Diêm 2, xã Bình Thuận.	100,00				100,00	
48	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà xưởng công nghiệp.	17,00	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số: 11, 12, 13, 21 và 22 xã Bình Chánh.	Công văn số 428/BQL-QLĐT ngày 19/3/2019 về việc chấp thuận nguyên tắc chủ trương và giới thiệu địa điểm nghiên cứu đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà xưởng công nghiệp.	25.000,00					25.000,00
49	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê.	26,40	Xã Bình Chánh, xã Bình Thạnh.	Tờ bản đồ số: 17, xã Bình Chánh; 70, 71, 74 xã Bình Thạnh.	Công văn số 427/BQL-QLĐT ngày 19/3/2019 về việc chấp thuận nguyên tắc chủ trương và giới thiệu địa điểm nghiên cứu đầu tư dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê.	30.000,00					30.000,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
50	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ kết hợp nhà ở.	1,00	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số: 41, 42 xã Bình Đông.	Công văn số 1911/BQL-QLĐT ngày 29/10/2018 về việc đồng ý về nguyên tắc giới thiệu địa điểm để Nhà đầu tư nghiên cứu đầu tư dự án	1.500,00					1.500,00
51	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Đầu tư kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe.	0,39	Xã Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 64, 65 xã Bình Thuận.	Quyết định chủ trương đầu tư số 306/QĐ-BQL ngày 02/10/2018 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	600,00					600,00
52	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Bình Thuận	0,40	Xã Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 01 xã Bình Thuận.	Quyết định chủ trương đầu tư số 444/QĐ-BQL ngày 28/12/2018 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	20.000,00					20.000,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
53	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu Dịch vụ cơ khí dầu khí Dung Quất.	13,40	Xã Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 18,24, 25, 100, 103 xã Bình Thuận.	Công văn số 473/UBND-CNXD ngày 28/01/2019 về việc tiếp tục chỉ đạo triển khai ý kiến chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Thông báo số 356-TB/TU ngày 28/12/2018; Công văn số 696/BQL-QLĐT ngày 11/5/2018 của BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm để nghiên cứu, khảo sát đầu tư dự án xây dựng nhà xưởng, bãi gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí.	13.000,00					13.000,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
54	Khu dân cư chính trang Đông Nam mở rộng thị trấn Châu Ô	6,03	thị trấn Châu Ô và xã Bình Thới	Tờ bản đồ số 24 và 38 thị trấn Châu Ô; tờ bản đồ số 08 xã Bình Thới	Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư chính trang Đông Nam mở rộng Thị trấn Châu Ô	15,03					15,03



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
55	Điện năng lượng Mặt trời	56,27	Bình Nguyên	Tờ số 17,18, 19, 21, 22, 24, 25	Quyết định số 556/QĐ-BCT ngày 12/02/2018 của Bộ Công thương phê duyệt bổ sung bổ sung danh mục dự án Nhà máy Điện mặt trời xã Bình Nguyên, công suất 49,608MWp vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi tại; UBND tỉnh Quảng Ngãi chấp thuận Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 30/3/2018.	20.000					20.000
56	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại BFC Vạn Tường	1,40	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số: 46	Đã có trong Quyết định 761/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa	1.400,00					1.400,00

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
57	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Xưởng cơ khí Thượng Hải Dung Quất	2,40	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số: 45 và 51	Được bổ sung tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung danh mục công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cấp huyện; Nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa	2.400,00					2.400,00
58	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Cửa hàng xăng dầu Trị Trang	0,14	xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số 41	Đã có trong Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa	400,00					400

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
59	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Nhà máy sản xuất BIO-Ethanol nhiên liệu Dung Quất	9,00	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số: 66	Công văn số 352/BQL-KHĐT ngày 09/4/2009 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	9.000,00					9.000,00
60	Khu tái định cư Đức An (Dự án 500kv Dốc Sỏi - Pleike 2)	0,695	xã Bình Minh	Tờ số 30	Công văn số 3332/CPMB-PĐB ngày 20/5/2019 và Công văn số 3882/CPMB-PĐB ngày 05/6/2019 của Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	1.100,00					1.100,00
61	Khu tái định cư Mỹ Long (Dự án 500kv Dốc Sỏi - Pleike 2)	1,373	xã Bình Minh	Tờ số 42, 53	Công văn số 3332/CPMB-PĐB ngày 20/5/2019 và Công văn số 3882/CPMB-PĐB ngày 05/6/2019 của Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	1.785,00					1.785,00
<b>Tổng cộng</b>		<b>872,54</b>				<b>914.636</b>	<b>-</b>	<b>152.981</b>	<b>2.200</b>	<b>200</b>	<b>759.255</b>

Biểu 2.2

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT RỪNG SẢN NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019 CỦA HUYỆN BÌNH SON**



*Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh*

TT		Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu dân cư Rộc Đình	1,07	1,05		Xã Bình Long	Tờ bản đồ số 2
2	Dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	0,668	0,054		Xã Bình Hải	
3	Khu dân cư thị trấn Châu Ô	9,18	5,49		Xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô	Tờ số 18, xã Bình Trung; Tờ số 1, 2,4,5,9,10,42,43 thị trấn Châu Ô
4	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Bình Chương	0,35	0,35		Xã Bình Chương	Tờ số 9,10
5	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Hòa Phát Dung Quất.	62,11	3,90		Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 18, 19, 25, 26, 32, 92, 93, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104 xã Bình Thuận.
6	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: dự án: Khu dân cư Đập Ban	10,3	6,88		xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 21
7	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh.	28,00	0,90		Xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số: 50, 51, 52, 60, 61 xã Bình Thạnh
8	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dân cư kết hợp dịch vụ xã Bình Thạnh .	1,00	0,40		Xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số: 42; 54 xã Bình Thạnh

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
9	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng bãi biển dùng chung (Khu 01) thuộc Khu đô thị Vạn Tường, KKT Dung Quất.	25,06	0,75		Xã Bình Hải	Tờ bản đồ số: 48, 53, 54, 58, 62, 95, 97, 99 xã Bình Hải.
10	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng bãi biển dùng chung (Khu 02) thuộc Khu đô thị Vạn Tường, KKT Dung Quất.	43,90	1,22		Xã Bình Hải, xã Bình Phú	Tờ bản đồ số: 65, 68 xã Bình Hải; Tờ bản đồ số: 1, 2, 4, 5, 9, 13, 14 xã Bình Phú
11	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường	92,00	7,80		Xã Bình Hải;	Tờ bản đồ số: 11;12;13; 14;15;16; 20; 21; 22; 29; 30 và 85 xã Bình Hải.
12	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường	60,00	0,33		Xã Bình Hải.	Tờ bản đồ số: 5; 6; 7; 8; 9; 11; 12; 14; 15; 81; 83 và 84 xã Bình Hải.
13	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê.	26,40	2,70		Xã Bình Chánh, xã Bình Thạnh.	Tờ bản đồ số: 17, xã Bình Chánh; 70, 71, 74 xã Bình Thạnh.
14	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Đầu tư kinh doanh dịch vụ bãi	0,39	0,38		Xã Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 64, 65 xã Bình Thuận.
15	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Bình	0,40	1,40		Xã Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 01 xã Bình Thuận.
16	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu Dịch vụ cơ khí dầu khí	13,40	0,05		Xã Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 18,24, 25, 100, 103 xã Bình Thuận.
17	Khu dân cư chỉnh trang Đông Nam mở rộng Thị trấn Châu Ô	6,03	3,93		thị trấn Châu Ô và xã Bình Thới	Tờ bản đồ số 24 và 38 thị trấn Châu Ô; tờ bản đồ số 08 xã Bình Thới
18	Dự án Nhà máy điện mặt trời xã Bình Nguyên	88,87	0,287		xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 17, 18,24 và 25 xã Bình Nguyên
19	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại BFC Vạn Tường	1,40	0,31		Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số: 46
20	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Xưởng cơ khí Thượng Hải Dung Quất	2,40	0,44		Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số: 45 và 51

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
21	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Cửa hàng xăng dầu Trị Trang	0,14	0,04		xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số 41
22	Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Nhà máy sản xuất BIO-Ethanol nhiên liệu Dung Quất	9,00	0,71		Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số: 66
23	Khu tái định cư Mỹ Long (Dự án 500kv Đốc Sỏi - Pleike 2)	1,373	1,11		xã Bình Minh	Tờ số 42, 53
<b>Tổng cộng</b>		<b>483,44</b>	<b>40,48</b>			

Biểu 1.3



**QUY TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN TỈNH**  
 và theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Cầu qua kênh tuyến đường ĐH 17 tại Km1+400 vào cụm công nghiệp Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh	2,18	Xã Tịnh Bắc	Tờ số 6, 7, 11, 12 và 20	Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019 Nguồn vốn cân đối địa phương	2.200,0		2.200,0			
2	Hoàn trả tuyến đường Ngân Giang - QL24B - Tịnh Thọ (622C) (đoạn QL24B đến UBND xã Tịnh Hà) và kết hợp Công viên	0,56	Xã Tịnh Hà	Tờ số 15	Công văn số 2928/UBND-KT của UBND huyện Sơn Tịnh về việc thống nhất quy mô và kinh phí thực hiện giải phóng mặt bằng đối với tuyến đường hoàn trả tại nút giao giữa Quốc lộ 24B với đường dẫn	1.200,0				1.200,0	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2,74</b>				<b>3.400</b>	<b>0</b>	<b>2.200</b>	<b>0</b>	<b>1.200</b>	<b>0</b>

Biểu 2.3

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG**



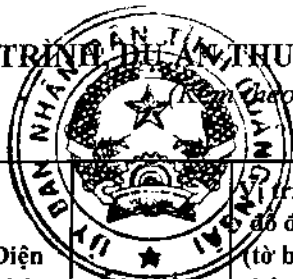
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN TINH**  
*(Kèm theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)*

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hoàn trả tuyến đường Ngân Giang - QL24B - Tịnh Thọ (622C) (đoạn QL24B đến UBND xã Tịnh Hà) và kết hợp Công viên	0,56	0,50		Xã Tịnh Hà	Tờ số 15
	<b>TỔNG</b>	<b>0,56</b>	<b>0,50</b>			



Biểu 1.4

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA



(Kèm theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó			Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
1	Cầu Sông cùng, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	1,50	Xã Nghĩa Thuận	tờ 4, 5	QĐ số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018	1.000		1.000			
2	Khu dân cư tái định cư tại xã Nghĩa Kỳ	7,50	Xã Nghĩa Kỳ	Tờ 22	QĐ số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018	15.000		15.000			
3	Khu đô thị mới Nam Trường Chinh	12,74	Xã Nghĩa Điền	Tờ 4,9,10	QĐ chủ trương đầu tư số 1129/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	38.163					38.163
4	Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa	3,00	La Hà	Tờ 10, 16	Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn thu quỹ đất năm 2018 chưa sử dụng hết	20.000			20.000		
<b>Tổng</b>		<b>24,74</b>				<b>74.163</b>	<b>-</b>	<b>16.000</b>	<b>20.000</b>	<b>-</b>	<b>38.163</b>

Biểu 2.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ



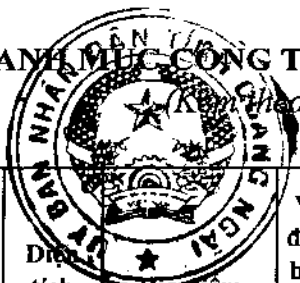
ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA

(Theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
1	Cầu Sông cùng, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	1,50	0,80		Xã Nghĩa Thuận	tờ 4, 5
2	Khu dân cư tái định cư tại xã Nghĩa Kỳ	7,50	7,00		Xã Nghĩa Kỳ	Tờ 22
3	Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp Phát Đạt (QĐ chủ trương đầu tư số 105/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND tỉnh)	2,60	2,2		Nghĩa Thương	Tờ 22
4	Khu đô thị mới Nam Trường Chinh	12,74	4,5		Xã Nghĩa Điền	Tờ 4,9,10
5	Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa	3,00	1,5		La Hà	Tờ 10, 16
	<b>Tổng</b>	<b>27,34</b>	<b>16,00</b>			

Biểu 1.5

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC**



(Kèm theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Khu dân cư phía Nam Kho bạc Nhà nước huyện Mộ Đức	0,17	Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 5	QĐ số 4795/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức phê duyệt chủ trương đầu tư	1.100			1.100			
<b>TỔNG CỘNG</b>		0,17				1.100	0	0	1.100	0	0	

Biểu 2.5

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG MỤC ĐÍCH NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN NĂM 2019 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC**



(Kèm theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu dân cư phía Nam Kho bạc Nhà nước huyện Mộ Đức	0,17	0,13		Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 5
2	Khu dịch vụ tổng hợp trung tâm huyện Mộ Đức (QĐ chủ trương đầu tư số 269/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh)	2,02	1,18		Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 14
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2,19</b>	<b>1,31</b>			

Biểu 1.6

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN ĐỨC PHỐ**

(Kính theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 2	29,74	xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Minh huyện Đức Phổ		Chủ trương đầu tư tại NQ số 08/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh	30.000	30.000					
2	Tuyến đường ĐH.417 (Phổ Ninh - Ba Khâm)	5,6	Tờ bản đồ số 04 thị trấn Đức Phổ, Tờ bản đồ số 17,21,22,24, 25 xã Phổ Ninh	Tờ bản đồ số 04 thị trấn Đức Phổ, Tờ bản đồ số 17,21,22,24,25 xã Phổ Ninh	Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư Dự án Tuyến đường ĐH.417 (Phổ Ninh - Ba Khâm)	5.000		5.000				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Nâng cấp Tuyến đường Trà Cầu - Km7 (Quốc lộ 24)	2,4760	Tờ bản đồ số 07 xã Phò Văn, tờ bản đồ số 24, 25, 26 xã Phò Thuận	Tờ bản đồ số 07 xã Phò Văn, tờ bản đồ số 24, 25, 26 xã Phò Thuận	Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp đường Trà Cầu - Km7 (QL24)	2.400			2.400		
4	Nâng cấp Tuyến đường Đức Phò - Km7 (Quốc lộ 24)	2,6316	Tờ bản đồ số 22 xã Phò Nhơn, tờ bản đồ số 17, 18, 19 xã Phò Ninh	Tờ bản đồ số 22 xã Phò Nhơn, tờ bản đồ số 17, 18, 19 xã Phò Ninh	Quyết định số 3835/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp đường Đức Phò - Km7 (QL24) (ĐH.44)	2.600			2.600		
5	Tuyến đường Phò Khánh - Phò Châu	1,3314	Tờ bản đồ số 49 xã Phò Thạnh	Tờ bản đồ số 49 xã Phò Thạnh	Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Tuyến đường Phò Khánh - Phò Châu	1.300			1.300		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
6	Khu tái định cư đường Quốc lộ 1A - Mỹ Á - KCN Phố Phong	0,4234	Tờ bản đồ số 4,5 thị trấn Đức Phổ	Tờ bản đồ số 4,5 thị trấn Đức Phổ	Công văn số 1143/UBND ngày 23/4/2019 của UBND huyện Đức Phổ về việc cho chủ trương xây dựng khu tái định cư tại vị trí khu đất dọc theo tuyến đường Lê Thánh Tôn để tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án: Đường QL1A - Mỹ Á - Di Khu công nghiệp Phố Phong (giai đoạn 1)	400		400				
7	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông trên Quốc lộ 1A, đoạn Km1106+500 đến Km1106+700, đoạn qua xã Phố Khánh	1,4190	Thửa đất số 112, 113, 126, 127, tờ bản đồ số 26 xã Phố Khánh	Thửa đất số 112, 113, 126, 127, tờ bản đồ số 26 xã Phố Khánh	Công văn số 325/CQLĐB III-ATGT ngày 08/3/2019 của Cục Quản lý đường bộ III về việc đề nghị chỉ đạo công tác GPMB để xử lý điểm đen trên QL1 đoạn qua xã Phố Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	1.400					1.400	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
8	Khu dân cư xóm 26 thôn Vĩnh An, xã Phổ Khánh	1,8658	Tờ bản đồ số 13, 15 xã Phổ Khánh	Tờ bản đồ số 13, 15 xã Phổ Khánh	Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Khu dân cư xóm 26 thôn Vĩnh An, xã Phổ	1.800			1.800		
9	Đường du lịch vào Khu di tích văn hóa Sa Huỳnh	2,50	xã Phổ Thạnh		QĐ số 868/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn cân đối ngân sách đại phương	2.500		2.500			
Tổng		47,99				47.400	30.000	7.900	8.100	-	1.400



**Biểu 2.6**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT RỪNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN ĐỨC PHỒ**



theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu dịch vụ Gia Bảo (QĐ chủ trương đầu tư số 396/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh)	0,94	0,94		xã Phổ Minh	Tờ số 5
2	Khu tái định cư đường Quốc lộ 1A - Mỹ Á - KCN Phổ Phong	0,4234	0,0950		thị trấn Đức Phổ	Tờ bản đồ số 4,5 thị trấn Đức Phổ
3	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông trên Quốc lộ 1A, đoạn Km1106+500 đến Km1106+700, đoạn qua xã Phổ Khánh	1,4190	0,0576		xã Phổ Khánh	Thửa đất số 112, 113, 126, 127, tờ bản đồ số 26 xã Phổ Khánh
4	Khu dân cư xóm 26 thôn Vĩnh An, xã Phổ Khánh	1,8658	0,2085		xã Phổ Khánh	Tờ bản đồ số 13, 15 xã Phổ Khánh
5	Cửa hàng bảo dưỡng, sửa chữa và mua bán phụ tùng ô tô (QĐ chủ trương đầu tư số 257/QĐ-UBND ngày 22/9/2019 của UBND tỉnh)	0,4057	0,4057		xã Phổ Ninh	Tờ bản đồ số 13 xã Phổ Ninh
<b>TỔNG</b>		<b>5,05</b>	<b>1,71</b>			

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH**



*Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Đường dây điện trung thế 22kV thuộc dự án: Khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi	0,0023	Xã Hành Dũng		QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án: Khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi	50	50					
2	Trục sở làm việc Kho bạc Nhà nước huyện Nghĩa Hành	0,2	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ số 22	Công văn số 1628/KBNN-TVQT ngày 05/4/2019 của Kho Bạc Nhà nước về việc thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng nội ngành 2019	200						200
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,2023</b>				<b>250</b>	<b>50</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>200</b>

Biểu 1.8

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN BA TÔ**  
*(Kèm theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)*



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí thửa đất, thửa số, thửa số, thửa số hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Đường dây 22kV khai thác sau TBA 110kV nối cấp trong TBA 220kV Sơn Hà	0,0032	Xã Ba Ngạc		QĐ số 1882/QĐ-QNPC ngày 01/4/2019 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi về việc phê duyệt BCKTKT	20						20
2	Thủy điện Ba Vì	73,44	Xã Ba Ngạc, xã Ba Tiêu	Bản đồ trích đo khu đất số 1	QĐ chủ trương đầu tư số 101/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh	297						297
3	Thủy điện Sông Liên 2	50,87	xã Ba Lê, xã Ba Bích	Bản đồ trích đo khu đất số 2	QĐ chủ trương đầu tư số 102/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh	416						416
4	TBA 220kv và đườn dây đấu nối 222kV thủy điện Nước Long	8,89	xã Ba Tiêu		Công văn số 1505/UBND-CNXD ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh về việc tháo thuận hướng tuyến đườn dây 220kV và Trạm biến áp 220Kv dự án Thủy điện Nước Long	1.000						1.000
5	Thủy điện ĐăkRe 2	18,51	xã Ba Xa	Tờ số 31, 32, 44,45,47,48	QĐ chủ trương đầu tư số 1168/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh	10.000						10.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>151,71</b>				<b>11.733</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.733</b>

Biểu 2.8

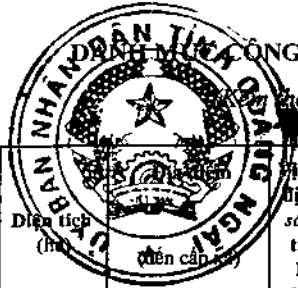
**DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN BA TỐ**



(Kèm theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đường dây 22kV khai thác sau TBA 110kV nối cấp trong TBA 220kV Sơn Hà	0,0032	0,0032		Xã Ba Ngạc	
2	Thủy điện Ba Vĩ	73,44	0,7		Xã Ba Ngạc, xã Ba Tiêu	Bản đồ trích đo khu đất số 1
3	Thủy điện Sông Liên 2	50,87	4,7		xã Ba Lê, xã Ba Bích	Bản đồ trích đo khu đất số 2
4	Thủy điện ĐăkRe 2	18,51	4,57	0,21	xã Ba Xa	Tờ số 31, 32, 44,45,47,48
<b>Tổng cộng</b>		<b>142,82</b>	<b>9,97</b>	<b>0,21</b>		

Biểu 1.10



CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN HÀ

theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý (các chủ trương, quyết định, ghi vốn, )	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
					Tổng (Tr.đồng)	Trong đó					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+...+(12)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Đường dây 22kV khai thác sau TBA 110kV nối cấp trong TBA 220kV Sơn Hà	0,0086	Thị trấn Di Lăng và Sơn Ba	Tờ BB ĐCCS 641557	QĐ số 1882/QĐ-QNPC ngày 01/4/2019 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi về việc phê duyệt BCKTKT	20					20
2	Dự án Thủy điện Trà Khúc 1, hạng mục Đường dây 110kV đấu nối nhà máy Thủy điện vào TBA 110/220kv Sơn Hà	15,31	Xã Sơn Giang: Sơn Trung và thị trấn Di Lăng		QĐ chủ trương đầu tư số 1678/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của UBND tỉnh	10.000					10.000
3	Dự án Thủy điện Đăk Ba, hạng mục Đường dây 110kV đấu nối nhà máy Thủy điện vào TBA 110/220kv Sơn Hà	7,04	Xã Sơn Bao và thị trấn Di Lăng		QĐ chủ trương đầu tư số 260/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh	3.000					3.000
4	Điểm dân cư Gò Gạo	0,3039	Xã Sơn Thành	Tờ BB ĐCCS 668554	QĐ số 2635/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của UBND huyện Sơn Hà phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch; QĐ số 185/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND xã Sơn Thành phê duyệt BC KTKT	300				300	
5	Đầu tư đoạn kè từ Km1+241-Km1+429 thuộc dự án kè đường giao thông liên huyện, dọc sông Rin, thị trấn Di Lăng	1,5	Thị trấn Di Lăng	(Tờ bản đồ địa chính cơ sở 665548 thị trấn Di Lăng)	Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018	1.500			1.500		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý (các chủ trương, quyết định, ghi vốn, )	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				
						Tổng (Tr.đồng)	Trong đó			
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
6	Khu văn hóa thể thao Sơn Thành	1,65	Xã Sơn Thành	Tờ BĐ ĐCCS 671560	Thuộc chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Sơn Hà.	1.600			1.600	
7	Nhà văn hóa, sân thể thao Hoãn Vây	0,05	Xã Sơn Thành		Thuộc chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Sơn Hà.	100			100	
8	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Làng Vệt	0,05	Xã Sơn Thành		Thuộc chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Sơn Hà.	100			100	
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Sơn Hà	1,47	Thị trấn Di Lăng	Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 20 thị trấn Di Lăng	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Sơn Hà trên cơ sở sáp nhập Trung tâm dạy nghề huyện Sơn Hà và Trung tâm giáo dục thường xuyên – Hướng nghiệp huyện Sơn Hà	1.400			1.400	
10	Khu thể dục thể thao Sơn Hà	1,818	Thị trấn Di Lăng		Công văn số 3302/UBND-NNTN ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất vị trí bổ sung quy hoạch sử dụng đất dành cho lĩnh vực xã hội hóa tỉnh Quảng Ngãi để xây dựng Khu thể dục thể thao tại thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà.	1.800				1.800
11	Trường TH Sơn Linh	0,28	Xã Sơn Linh	Tờ BĐ ĐCCS 662560	Quyết định 193/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 (đợt 1) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	200			200	
12	Công viên xã Sơn Kỳ	1,74	Xã Sơn Kỳ	Tờ BĐ ĐCCS 647554	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019	1.000			1.000	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý (các chủ trương, quyết định, ghi vốn, )	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (Tr.đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
13	Công viên xã Sơn Linh	0,84	Xã Sơn Linh	Tờ BĐ ĐCCS 662560	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019	800			800		
14	Đường trên Kè sông rin nối tiếp	0,22	Thị trấn Di Lăng	Tờ BĐ ĐCCS 665548	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019	200			200		
15	Trung tâm bảo tồn Văn hóa Hre; hạng mục: Mặt nước và cây xanh cảnh quang	0,061	Xã Sơn Hạ	Tờ BĐ ĐCCS 665548	Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà về việc giao kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ năm 2018 (đợt 3) Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ dự phòng giai đoạn 2012-2015	100			100		
<b>Tổng cộng</b>		<b>32,34</b>				<b>22.120</b>			<b>7.000</b>	<b>300</b>	<b>14.820</b>

Biểu 2.10

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ  
ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN HÀ**  
(Theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó:		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			đất LUA (ha)	đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)			(4)	(5)
1	Đường dây 22kV khai thác sau TBA 110kV nối cấp trong TBA 220kV Sơn Hà	0,0086	0,0086		Thị trấn Di Lặng và Sơn Ba	Tờ BĐ ĐCCS 641557
2	Khu văn hóa thể thao Sơn Thành	1,65	1,65		Xã Sơn Thành	Tờ BĐ ĐCCS 671560
3	Công viên xã Sơn Kỳ	1,74	1,60		Xã Sơn Kỳ	Tờ BĐ ĐCCS 647554
4	Trung tâm bảo tồn Văn hóa Hre; hạng mục: Mặt nước và cây xanh cảnh quang	0,061	0,009		Xã Sơn Hạ	Tờ BĐ ĐCCS 665548
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3,46</b>	<b>3,27</b>			



Biểu 1.11

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN TÂY  
 (theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Trường Trung học cơ sở Sơn Bao	0,0154	Xã Sơn Bao	Tờ số 7	QĐ số 2019/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Sơn Tây về việc phê duyệt BCKTKT	150	150						

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	Đường điện 0,4 kV đến khu dân cư mới thôn Bà He	0,167	Xã Sơn Tinh	Tờ số 1, 3, 6	QĐ số 2021/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Sơn Tây về việc phê duyệt BCKTKT	100	100					
3	Đường đô thị 02 (Quảng trường - ĐT 05) (bổ sung)	0,90	Xã Sơn Mùa	Tờ số 662533-2; 662533-5	QĐ số 1058/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt BCKTKT	500	500					

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	Thủy điện Sơn Trà IC	45,17	Xã Sơn Tinh, xã Sơn Lập	Tờ bản đồ ĐCCS số 650548	QĐ chủ trương đầu tư số 1679/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của UBND tỉnh	20.000						20000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46,25</b>				<b>20.750</b>	<b>750</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000</b>

Biểu 2.11

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP  
NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN TÂY**



(Nằm theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đường đô thị 02 (Quảng trường - ĐT 05) (bổ sung)	0,90	0,90		Xã Sơn Mùa	Tờ số 662533-2; 662533-5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>0,90</b>	<b>0,90</b>			

Biểu 1.13

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 HUYỆN TRÀ BÔNG**



theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định				
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó			
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp xã
1	Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Trà Hiệp	0,1	Xã Trà Hiệp	Tờ bản đồ số 5	Công văn số 678/SLĐT BXH-KHTC ngày 13/3/2019 của Sở Lao động TB&XH về việc xây dựng công trình Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Trà Hiệp; Công văn số 557/UBND-TH ngày 20/3/2019 của UBND huyện Trà Bông về việc xây dựng Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Trà Hiệp.					
2	Điểm dân cư điểm trường mẫu giáo thị trấn Trà Xuân	0,02	Thị trấn Trà Xuân	Thửa đất số 109, tờ bản đồ đất số 17, thị trấn Trà Xuân	Công văn số 644/UBND-TNMT ngày 28/3/2019 của UBND huyện Trà Bông về việc chủ trương bán đấu giá quyền sử dụng đất điểm trường Mầm non Hoa Sen					

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp xã	
3	Các điểm dân cư trên địa bàn huyện Trà Bồng	1,84	Trà Xuân, Trà Sơn, Trà Thủy và Trà Tân	Thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 04, thị trấn Trà Xuân; Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 97 và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 98, xã Trà Thủy; Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 05, xã Trà Sơn và Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 57, xã Trà Tân;	Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 80/BQL ngày 31/5/2019 của BQL dự án ĐTXD và PTQĐ huyện						
4	Nâng cấp, mở rộng cầu Suối Đá	0,1303	Thị trấn Trà Xuân	Tờ số 32	QĐ số 175/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Sở GTVT về việc phê duyệt BC KTKT	400		400			
5	Cầu qua suối Đập Quang	0,341	Xã Trà Phú	Tờ số 47	QĐ số 197/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh về việc phân khai kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ của địa phương	450		450			
<b>Tổng</b>		<b>2,43</b>				<b>850</b>	<b>-</b>	<b>850</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

Biểu 2.13

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG



ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN TRÀ BỒNG

(Theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LÚA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nâng cấp, mở rộng cầu Suối Đá	0,1303	0,0362		Thị trấn Trà Xuân	Tờ số 32
<b>Tổng</b>		<b>0,1303</b>	<b>0,0362</b>			

Biểu 1.14

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN LÝ SON**



(Ký theo Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Đường Trục chính trung tâm huyện Lý Sơn	4,00	xã An Vĩnh	Tờ số 14, 15, 16, 21, 22, 23, 24	QĐ chủ trương đầu tư số 1825/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh	4.000		4.000				



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
2	Nâng cấp tuyến đường từ núi Giếng Tiên đi khu nghĩa địa tập trung	0,40	xã An Vĩnh	Tờ số 11, 12	QĐ số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018	400		400				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
3	Nâng cấp tuyến đường từ Đồn Biên phòng đi Âm Linh Tự (giai đoạn 2)	0,40	xã An Vĩnh	Tờ số 9,10,13,14	QĐ số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2019	400		400				
4	Tổ hợp du lịch văn hóa di sản Lý Sơn	3,20	xã An Hải	Tờ số 4	QĐ chủ trương đầu tư số 226/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh	3.000						3.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>8,00</b>				<b>7.800</b>	<b>-</b>	<b>4.800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.000</b>